

Số: /NQ/ĐHĐCĐ

Hải Dương, ngày 21 tháng 6 năm 2024

**NGHỊ QUYẾT**  
**ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN NĂM 2024**  
**CÔNG TY CỔ PHẦN KINH DOANH NƯỚC SẠCH HẢI DƯƠNG**

Căn cứ Luật Chứng khoán số 54/2019/QH14 ngày 26/11/2019;  
Căn cứ Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 ngày 17/6/2020;  
Căn cứ Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty cổ phần kinh doanh nước sạch Hải Dương được Đại hội đồng cổ đông thông qua ngày 25/6/2021;  
Căn cứ Quy chế nội bộ về quản trị công ty được ban hành kèm theo Quyết định số 1065/QĐ-HĐQT ngày 29/6/2021.  
Căn cứ Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2024 của Công ty cổ phần kinh doanh nước sạch Hải Dương;

**QUYẾT NGHỊ**

- Điều 1.** Thông qua các Quy chế tổ chức Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2024 của Công ty cổ phần kinh doanh nước sạch Hải Dương.  
**Điều 2.** Thông qua miễn nhiệm chức vụ Thành viên Hội đồng quản trị công ty cổ phần kinh doanh nước sạch Hải Dương đối với Ông Phạm Minh Cường kể từ ngày 21/6/2024.  
**Điều 3.** Thông qua tờ trình bầu bổ sung thành viên Hội đồng quản trị nhiệm kỳ 2022-2027. Kết quả cụ thể như sau:

.....

**Điều 3.** Thông qua Tờ trình của Hội đồng quản trị về Kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh, Báo cáo tài chính và Phân phối lợi nhuận niên độ kỳ kế toán từ 01/01/2023 đến 31/12/2023.

1. Kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh năm 2023:

STT	CHỈ TIÊU CHÍNH	ĐƠN VỊ TÍNH	KẾ HOẠCH	THỰC HIỆN
I	SẢN PHẨM SẢN XUẤT CHỦ YẾU			
1	- Sản xuất nước sạch đầu nguồn	Triệu m <sup>3</sup>	69.395	70,876
2	- Sản lượng doanh thu nước sạch	Triệu m <sup>3</sup>	58.850	60,745
3	- Tỷ lệ thất thoát, thất thu	%	11	11
4	- Phát triển khách hàng	Hộ	6.000	5.208
II	CÁC CHỈ TIÊU TÀI CHÍNH			
1	Vốn chủ sở hữu (vốn điều lệ)	Triệu đồng	318.824,7	318.824,7
2	Tổng doanh thu	Triệu đồng	526.000	543.303
	- Doanh thu nước sạch	Triệu đồng	508.700	523.644
	- Thi công xây lắp	Triệu đồng	9.600	9.693
	- Nước tinh lọc và hoạt động khác	Triệu đồng	7.700	9.966
3	Tổng chi phí	Triệu đồng	459.000	486.143
4	Lợi nhuận trước thuế	Triệu đồng	67.000	57.160
5	Lợi nhuận sau thuế	Triệu đồng	53.300	44.569

III	CÁC CHỈ TIÊU KHÁC			
1	Nộp ngân sách	Triệu đồng	69.900	84.366
	- Các loại thuế, phí	Triệu đồng	53.736	68.202
	- Cổ tức trả nhà nước	Triệu đồng	16.164	16.164
2	Tỷ suất lợi nhuận trước thuế/ doanh thu	%	12,8	10,5
3	Tỷ suất lợi nhuận trước thuế/ vốn CSH	%	21	17,9
4	Tổng quỹ lương NLD	Triệu đồng	98.732	97.891
5	Tổng lao động	Người	943	926
6	Lương bình quân người/tháng	Triệu đồng	8,725	8,809

2. Báo cáo tài chính niên độ kỳ kế toán từ 01/01/2023 đến 31/12/2023

Các chỉ tiêu chính như sau:

STT	CHỈ TIÊU	ĐƠN VỊ TÍNH	THỰC HIỆN
I	Tổng tài sản	đồng	953.190.668.699
1	Tài sản ngắn hạn	đồng	70.209.983.614
2	Tài sản dài hạn	đồng	882.980.685.085
II	Tổng nguồn vốn	đồng	953.190.668.699
1	Nợ phải trả	đồng	513.316.644.338
2	Vốn chủ sở hữu	đồng	439.874.024.361

(Chi tiết tại báo cáo tài chính niên độ kỳ kế toán từ 01/01/2023 đến 31/12/2023 đã được công bố thông tin trên website: hdwaco.com.vn)

3. Phân phối lợi nhuận niên độ kỳ kế toán:

STT	CHỈ TIÊU	ĐVT	KẾ HOẠCH	THỰC HIỆN
1	Lợi nhuận sau thuế năm 2023	Triệu đồng	53.300.000.000	44.569.312.712
2	Lợi nhuận nộp NSNN (theo Quyết định số 3184/QĐ ngày 28/12/2023 của UBND tỉnh)	Triệu đồng		13.716.054.871
3	Lợi nhuận để trả cổ tức	Triệu đồng	25.187.000.000	25.248.931.882
4	Trích quỹ đầu tư phát triển	Triệu đồng	15.990.000.000	3.119.851.889
5	Trích quỹ khen thưởng, phúc lợi	Triệu đồng	12.123.000.000	2.484.474.070
5.1	Quỹ khen thưởng, phúc lợi của BDH	Triệu đồng	329.000.000	0
5.2	Quỹ khen thưởng, phúc lợi của NLD	Triệu đồng	11.794.000.000	2.484.474.070

4. Ủy quyền cho HĐQT xem xét và quyết định:

Thời gian chi trả cổ tức và thực hiện các thủ tục liên quan đến chia cổ tức cho các cổ đông theo đúng quy định của pháp luật và Điều lệ của công ty.

**Điều 4.** Thông qua Tờ trình của Hội đồng quản trị về Kế hoạch hoạt động sản xuất kinh doanh và Kế hoạch phân phối lợi nhuận năm 2024:

1. Kế hoạch hoạt động sản xuất kinh doanh năm 2024

STT	CHỈ TIÊU CHÍNH	ĐƠN VỊ TÍNH	KẾ HOẠCH
I	SẢN PHẨM SẢN XUẤT CHỦ YẾU		
1	- Sản xuất nước sạch đầu nguồn	Triệu m <sup>3</sup>	72,376
2	- Sản lượng doanh thu nước sạch	Triệu m <sup>3</sup>	61,700
3	- Tỷ lệ thất thoát, thất thu (phần đầu duy trì)	%	11
4	- Phát triển khách hàng	Hộ	5.000
II	CÁC CHỈ TIÊU TÀI CHÍNH		

1	Vốn chủ sở hữu (vốn điều lệ)	Triệu đồng	318.824,7
2	Tổng doanh thu	Triệu đồng	546.100
	- Nước sạch	Triệu đồng	529.300
	- Thi công xây lắp	Triệu đồng	7.500
	- Nước tinh lọc và các hoạt động khác	Triệu đồng	9.300
3	Tổng chi phí	Triệu đồng	488.900
4	Lợi nhuận trước thuế	Triệu đồng	57.200
5	Lợi nhuận sau thuế	Triệu đồng	45.000
III	CÁC CHỈ TIÊU KHÁC		
1	Nộp ngân sách	Triệu đồng	76.200
	- Các loại thuế, phí	Triệu đồng	60.657
	- Cổ tức trả nhà nước (dự kiến)	Triệu đồng	15.543
2	Tỷ suất lợi nhuận trước thuế/ doanh thu	%	10,47
3	Tỷ suất lợi nhuận trước thuế/ vốn CSH	%	17,94
4	Tổng quỹ lương NLĐ	Triệu đồng	99.377
5	Tổng lao động	Người	940
6	Lương bình quân người/tháng	Triệu đồng	8,81

## 2. Kế hoạch phân phối lợi nhuận năm 2024

STT	CHỈ TIÊU CHÍNH	ĐƠN VỊ TÍNH	KẾ HOẠCH
	Lợi nhuận sau thuế năm 2024	Triệu đồng	45.000
1	Trả cổ tức bằng tiền dự kiến 7,9%	%	25.187
2	Trích lập quỹ đầu tư phát triển	Triệu đồng	13.500
3	Trích lập quỹ khen thưởng phúc lợi: Trong đó:	Triệu đồng	6.313
	- Quỹ khen thưởng phúc lợi của người lao động		5.974
	- Quỹ khen thưởng của BDH		339

## 3. Ủy quyền cho Hội đồng quản trị xem xét và quyết định:

Căn cứ kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh, lợi nhuận sau thuế đạt được của năm 2024, quy định theo Thông tư số 28/2016/TT-BLĐTBXH ngày 01/9/2016 của Bộ lao động thương binh và xã hội quy định về lao động, tiền lương, tiền thưởng đối với công ty có cổ phần vốn góp chi phối của nhà nước:

- Quyết định quỹ tiền lương thực hiện của người lao động;
- Quyết định trích lập các quỹ: Quỹ đầu tư phát triển; Quỹ khen thưởng, phúc lợi

và các quỹ khác theo quy định.

**Điều 5.** Thông qua Báo cáo về kết quả hoạt động của HĐQT, thành viên HĐQT năm 2023 và định hướng, kế hoạch hoạt động của HĐQT năm 2024

**Điều 6.** Thông qua Báo cáo của Ban kiểm soát về hoạt động của Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc, Báo cáo tự đánh giá kết quả hoạt động của Ban kiểm soát và các thành viên Ban kiểm soát

**Điều 7.** Thông qua Tờ trình của Hội đồng quản trị về tiêu chí và danh sách lựa chọn đơn vị kiểm toán các báo cáo tài chính năm 2024.

### 1. Tiêu chí lựa chọn đơn vị kiểm toán:

- Là đơn vị kiểm toán độc lập thuộc danh sách các doanh nghiệp kiểm toán cho đơn vị có lợi ích công chúng năm 2024 theo quyết định số 2559/QĐ-BTC ngày 20/11/2023 của Bộ tài chính và được UBCK nhà nước chấp thuận;

- Có đội ngũ kiểm toán viên có trình độ cao và kinh nghiệm, trung thực, khách quan, có uy tín, đề cao đạo đức nghề nghiệp;

- Không có quan hệ mua bán cổ phiếu, tài sản hoặc góp vốn liên doanh với Công ty cổ phần kinh doanh nước sạch Hải Dương;
- Đáp ứng yêu cầu của Công ty về phạm vi, tiến độ và chất lượng kiểm toán;
- Chi phí kiểm toán hợp lý, phù hợp với nội dung, phạm vi và tiến độ kiểm toán do Công ty yêu cầu.

2. Danh sách đề xuất các đơn vị kiểm toán:

- Công ty TNHH kiểm toán và định giá Việt nam (VAE)
- Công ty TNHH kiểm toán An Việt (ANVIET)
- Công ty TNHH dịch vụ kiểm toán và tư vấn UHY (UHY).

3. Ủy quyền cho Hội đồng quản trị lựa chọn và ký kết hợp đồng đảm bảo theo đúng quy định của pháp luật.

**Điều 8.** Thông qua Tờ trình của Hội đồng quản trị về Quyết toán tiền lương, thù lao của HĐQT, BKS năm 2023 và Kế hoạch quỹ tiền lương, thù lao của HĐQT, BKS năm 2024.

1. Mức lương, thù lao và tổng quỹ lương, thù lao kế hoạch của HĐQT, BKS đã được Đại hội đồng cổ đông thông qua ngày 28/4/2023:

Mức lương Chủ tịch HĐQT chuyên trách	32.000.000	Đồng/tháng
Mức lương Phó Chủ tịch HĐQT chuyên trách	28.500.000	Đồng/tháng
Mức lương Thành viên HĐQT chuyên trách	26.000.000	Đồng/tháng
Mức thù lao thành viên HĐQT không chuyên trách	6.000.000	Đồng/tháng
Mức lương Trưởng BKS	24.500.000	Đồng/tháng
Mức lương Kiểm soát viên chuyên trách	16.000.000	Đồng/tháng
Mức thù lao Kiểm soát viên không chuyên trách	3.200.000	Đồng/tháng

2. Nguyên tắc trả lương:

- Chủ tịch HĐQT, Phó Chủ tịch HĐQT, Trưởng ban kiểm soát, Kiểm soát viên làm việc chuyên trách tại Công ty được trả lương chuyên trách, không hưởng thù lao.

- Thành viên HĐQT kiêm nhiệm các chức danh lãnh đạo, quản lý điều hành Công ty (TGD, Phó TGD, Kế toán trưởng) hưởng lương chuyên trách đối với các chức danh quản lý, lãnh đạo đó không hưởng thêm thù lao thành viên HĐQT.

- Thành viên HĐQT, BKS không chuyên trách, không kiêm nhiệm các chức danh lãnh đạo, quản lý thì được hưởng thù lao thành viên HĐQT, thành viên BKS

HĐQT hưởng lương chuyên trách gồm có 02 người: Chủ tịch HĐQT, Phó chủ tịch HĐQT.

HĐQT Hưởng thù lao có: 01 người.

BKS hưởng lương chuyên trách gồm có: 03 người, Trưởng BKS, 02 Thành viên.

Tổng Quỹ tiền lương, thù lao kế hoạch theo mức lương và thù lao được Đại hội đồng cổ đông đã thông qua là: 1.514.400.000 đồng.

3. Kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh năm 2023

TT	Chỉ tiêu	ĐVT	Kế hoạch	Thực hiện	% hoàn thành
1	Sản lượng nước sạch doanh thu	m <sup>3</sup>	58.850	60.745	103,2%
2	Tổng doanh thu	Tr.đồng	526.000	543.303	103,3%
3	Lao động bình quân (không kể người quản lý điều hành)	Người	943	926	98,19%
4	Năng suất lao động	m <sup>3</sup> /ng/năm	62.407	65.600	105,11%
5	Nộp ngân sách	Tr.đ	69.900	84.366	120,7%
6	Lợi nhuận sau thuế	Tr.đ	53.300	44.569	83,6%
7	Bảo toàn và PT vốn	Tr.đ	433.900	439.874	101,4%

Căn cứ Thông tư số 28/2016/TT-BLĐTBXH ngày 01/9/2016 hướng dẫn thực hiện quy định về thù lao, tiền lương, tiền thưởng đối với công ty cổ phần vốn góp chi phối của nhà nước. Tiền lương, thù lao của HĐQT và BKS giảm 16,4% tương đương với mức giảm lợi nhuận.

Tổng Quỹ tiền lương, thù lao thực hiện năm 2023 của HĐQT, BKS là: 1.191.132.800 đồng (Một tỷ, một trăm chín mươi một triệu, một trăm ba mươi hai nghìn, tám trăm đồng).

Cụ thể:

TT	Chức danh quản lý	Tiền lương (Đồng/tháng)	Thù lao (Đồng/tháng)	Số tháng	Tổng tiền lương thực hiện (Đồng)
1	Chủ tịch HĐQT	26.752.000		12	321.024.000
2	Phó CT HĐQT	23.826.000		12	285.912.000
3	Thành viên HĐQT (không CTr)		5.016.000	12	60.192.000
4	Trưởng BKS (CTr)	20.482.000		12	245.784.000
5	Thành viên BKS (CTr)	13.376.000		12	160.512.000
6	Thành viên BKS (CTr)	13.376.000		8	107.008.000
7	Thành viên BKS (không CTr)		2.675.200	4	10.700.800
	Tổng cộng :				1.191.132.800

II. Mức tiền lương, thù lao và quỹ tiền lương, thù lao kế hoạch của HĐQT, BKS năm 2024.

1. Các chỉ tiêu kế hoạch năm 2024.

STT	Chỉ tiêu	ĐVT	Kế hoạch
1	Sản lượng nước sạch	m <sup>3</sup>	61.700.000
2	Tổng doanh thu	Triệu đồng	546.100
3	Lao động bình quân	Người	940
4	Thu nhập bình quân/người/tháng	Triệu đồng	8,81
5	Năng suất lao động	m <sup>3</sup> /ng/năm	65.638
6	Nộp ngân sách	Triệu đồng	77,068
7	Lợi nhuận sau thuế	Triệu đồng	45.000
8	Bảo toàn và PT vốn	Triệu đồng	439.874

2. Quỹ tiền lương, thù lao kế hoạch năm 2024 của HĐQT, BKS.

Căn cứ quy định tại Thông tư số 28/2016/TT-BLĐTBXH ngày 01/9/2016, và tình hình thực tế SXKD, trên cơ sở đề xuất của Ban kiểm soát, Hội đồng quản trị đề xuất xây dựng mức tiền lương, thù lao kế hoạch của HĐQT, BKS năm 2024 cụ thể như sau:

TT	Chức danh quản lý	Mức lương (đồng/tháng)	Mức thù lao (đồng/tháng)	Số tháng	Tổng tiền lương KH (đồng)
1	Chủ tịch HĐQT	32.000.000		12	384.000.000
2	Phó CT HĐQT	28.500.000		12	342.000.000
3	Thành viên HĐQT (không CTr)		6.000.000	12	72.000.000
4	Trưởng BKS (CTr)	24.500.000		12	294.000.000
5	Thành viên BKS (CTr)	16.000.000		12	192.000.000

6	Thành viên BKS (CTr)	16.000.000		12	192.000.000
	Tổng cộng				1.476.000.000

Tổng Quỹ tiền lương, thù lao kế hoạch năm 2024 của HĐQT, BKS là: 1.476.000.000 đồng (Một tỷ, bốn trăm bảy mươi sáu triệu đồng).

**3. Quyết toán tiền lương, thù lao và quỹ tiền lương, thù lao thực hiện.**

Cuối năm, căn cứ vào mức lương, thù lao và quỹ tiền lương, thù lao kế hoạch tại khoản 2 mục II; Kết quả thực hiện các chỉ tiêu hoạt động sản xuất kinh doanh năm 2023 tại khoản 1 mục II Tờ trình này và quy định tại Thông tư số 28/2016/TT-BLĐTBXH ngày 01/9/2016 của Bộ lao động thương binh và xã hội quy định về lao động, tiền lương, tiền thưởng đối với công ty có cổ phần vốn góp chi phối của nhà nước. ĐHĐCĐ ủy quyền cho HĐQT xem xét và quyết định quyết toán tiền lương, thù lao của HĐQT, BKS năm 2024 và báo cáo ĐHĐCĐ thường niên năm 2025.

**Điều 9.** Thông qua Bổ sung ngành nghề kinh doanh và chủ trương thành lập chi nhánh Trung tâm kiểm định đồng hồ

1. Thông qua bổ sung ngành nghề kinh doanh đối với ngành nghề kiểm tra, kiểm định đồng hồ đo nước lạnh.

2. Ủy quyền cho Hội đồng quản trị xem xét quyết định thành lập Chi nhánh Trung tâm kiểm định đồng hồ khi thấy cần thiết và triển khai các thủ tục đảm bảo theo đúng quy định của pháp luật.

**Điều 10.** Thông qua Báo cáo công khai lợi ích liên quan của người nội bộ.

**Điều 11:** Điều khoản thi hành.

Nghị quyết này được công bố trên trang Website: [hdwaco.com.vn](http://hdwaco.com.vn).

Hội đồng quản trị, Ban Kiểm soát, Tổng giám đốc và các Cổ đông chịu trách nhiệm lãnh đạo, chỉ đạo, giám sát và tổ chức thực hiện các nội dung của bản nghị quyết này.

Nghị quyết này đã được Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2024 của Công ty cổ phần kinh doanh nước sạch Hải Dương biểu quyết thông qua toàn văn và có hiệu lực thi hành kể từ ngày 21/6/2024.

**Nơi nhận:**

- Tài liệu Đại hội;
- Như Điều 11;
- Lưu VT.

**T/M. ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG  
CHỦ TỌA ĐẠI HỘI**

**Vũ Mạnh Dũng**